

Số: 4447 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 30 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hưng Phúc,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ
phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm
2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh
Nghệ An quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;
Quyết định số 2238/QĐ.UBND-XD ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt
nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phường Hưng Phúc, thành phố Vinh;

Xét đề nghị của UBND thành phố Vinh; đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn
số 422/SXD.QHKT ngày 11/02/2019 về việc thẩm định Quy hoạch phân khu
phường Hưng Phúc, thành phố Vinh và hồ sơ quy hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hưng Phúc,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hưng Phúc,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh.

3. Tư vấn lập quy hoạch: Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đất Lành.

4. Phạm vi ranh giới và thời hạn lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc giáp: Phường Hà Huy Tập;
- Phía Nam giáp: Phường Trường Thi;
- Phía Đông giáp: Phường Hưng Dũng;
- Phía Tây giáp: Phường Hưng Bình.

4.2. Niên độ quy hoạch: Đến năm 2030.

5. Nội dung quy hoạch xây dựng:

5.1. Tính chất, chức năng:

- Là một đơn vị hành chính của thành phố Vinh, gồm các khu chức năng chính: Khu ở; thương mại dịch vụ; hành chính; văn hóa; các công trình công cộng.

- Là khu vực đô thị chỉnh trang và phát triển mới, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

5.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của đồ án:

- Cụ thể hóa điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 và Đề án phát triển thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thành trung tâm kinh tế, văn hóa vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2468/QĐ-TTg ngày 29/12/2015.

- Điều tra đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, địa hình, hiện trạng xây dựng, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật các dự án đầu tư, các điều kiện kinh tế xã hội khu quy hoạch.

- Định hướng phát triển kinh tế xã hội, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng cơ sở, hạ tầng kỹ thuật của khu quy hoạch.

- Tổ chức quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phù hợp thực tế của khu vực và định hướng điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh đã được Thủ tướng Chính phủ duyệt; Xây dựng quy định quản lý theo đồ án làm cơ sở pháp lý để quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

5.3. Quy mô đất đai, dân số:

a. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng trong khu vực nghiên cứu quy hoạch: 8.296 người.

- Dân số khu vực dự báo đến năm 2030: 11.000 người.

b. Quy mô đất đai: Tổng diện tích khu đất quy hoạch 114,51ha.

5.4. Cơ cấu quy hoạch và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (theo bản vẽ QH 04, QH 05):

5.4.1. Khu công trình công cộng:

a) Trung tâm hành chính phường (ký hiệu CC): Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Bắc đường Kim Đồng, thuộc khối Quang Phúc. Các công trình xây dựng gồm: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, hội trường và Công an phường. Tổng diện tích đất: 4.883m². Mật độ xây dựng 25-40%; tầng cao từ 1 - 3 tầng.

b) Trạm Y tế (ký hiệu CC-YT): Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Tây đường quy hoạch 7m, thuộc khối Bình Phúc. Diện tích sử dụng đất: 1.267m². Mật độ xây dựng 20-30%; tầng cao từ 1 - 2 tầng.

c) Nhà văn hóa khối, cây xanh + thể thao:

- Nhà văn hóa (ký hiệu VH) gồm 11 nhà: Được giữ nguyên tại các vị trí cũ đã có, từng bước được xây dựng chỉnh trang đảm bảo đạt tiêu chuẩn. Tổng diện tích sử dụng đất: 4.663m²; Mật độ xây dựng: 50 - 85%; Tầng cao 1 tầng.

- Khu cây xanh và sân thể thao (ký hiệu CXTT), bao gồm 5 khu: Quy hoạch trên các khu đất trống và được phân bố đều trên toàn phường phục vụ bán kính gần cho nhân dân sinh hoạt vui chơi, cụ thể: Khu số 1 bố trí tại khối Yên Vinh, khu số 2 bố trí tại khối Vinh Phúc, khu số 3 bố trí tại khối Tân Phúc, khu số 4 và khu số 5 bố trí tại khối Bình Phúc. Tổng diện tích: 15.758m²; Mật độ xây dựng từ 10-15%.

d) Công trình giáo dục:

- Trường mầm non gồm có 03 vị trí: trong đó 02 trường giữ nguyên vị trí cũ đã có; 01 trường bố trí quy hoạch xây dựng mới. Cụ thể:

+ Trường mầm non tư thục VietSing (ký hiệu GD-2.1): Nằm phía Nam đường Kim Đồng, thuộc khối Bình Phúc; Diện tích đất: 2.131m²; Mật độ xây dựng từ 40-60%; Tầng cao là 4 tầng.

+ Trường mầm non tư thục Hưng Phúc (ký hiệu GD-2.2): Nằm phía Bắc đường Trần Hưng Nhượng, thuộc khối Bình Phúc. Diện tích đất: 6.179 m²; Mật độ xây dựng từ 30-40%; Tầng cao là 4 tầng.

+ Trường mầm non xây dựng mới (ký hiệu TH-MN): Được bố trí tại khu đất Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Nghệ An, thuộc khối Quang Phúc. Diện tích đất: 4.222m²; Mật độ xây dựng từ 30-40%; Tầng cao công trình từ 1 - 3 tầng.

- Trường tiểu học cơ sở và trung học cơ sở (ký hiệu TH-TH): Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Bắc đường Trần Hưng Nhượng (tiếp giáp phía Đông Bắc trường mầm non tư thục Hưng Phúc), thuộc khối Bình Phúc. Diện tích đất: 4.915m²; Mật độ xây dựng từ 30-40%; Tầng cao là 4 tầng.

- Trường Herman Gmeiner (ký hiệu GD-2.5): Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Nam đường Duy Tân, thuộc khối Yên Phúc. Diện tích đất: 24.531m²; Mật độ xây dựng từ 30 - 40%; Tầng cao là 1 - 3 tầng.

- Làng trẻ em SOS (ký hiệu SOS): Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Đông đường Herman Gmeiner, thuộc khối Yên Phúc. Diện tích 26.798,4m²; Mật độ xây dựng từ 30 - 40%; Tầng cao là 1 - 3 tầng.

- Trường PTCS Đặng Thai Mai (ký hiệu GD-2.6): Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Đông đường Herman Gmeiner, thuộc khối Yên Phúc. Diện tích đất: 2.012m²; Mật độ xây dựng từ 30 - 40%; Tầng cao là 1 - 3 tầng.

- Trường Trung cấp Nghề TTCN Nghệ An (ký hiệu GD-1.1): Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Bắc đường Thành Thái, thuộc khối Quang Phúc. Diện tích đất: 18.782m²; Mật độ xây dựng từ 30 - 40%; Tầng cao là 1 - 3 tầng.

- Trường Chính trị tỉnh Nghệ An (ký hiệu GD-2.3): Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Bắc đường Lê Hồng Phong, thuộc khối Yên Phúc. Diện tích đất: 21.505m²; Mật độ xây dựng từ 30 - 40%; Tầng cao là 1 - 5 tầng.

- Trường PTTH chuyên Phan Bội Châu (ký hiệu CC-2.2): Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Bắc đường Lê Hồng Phong, thuộc khối Bình Phúc. Diện tích đất: 15.347m²; Mật độ xây dựng từ 30 - 40%; Tầng cao là 1 - 3 tầng. Tương lai sẽ từng bước di dời ra cơ sở mới khu quy hoạch thuộc khu phía Đông Bắc thành phố Vinh.

e) *Đài tưởng niệm (ký hiệu TN-2.1 và TN2.2)*: Được giữ nguyên vị trí cũ đã có, nằm phía Tây trụ sở UBND phường, thuộc khối Trường Phúc. Diện tích đất: 828m²; Mật độ xây dựng từ 15 - 25%.

f) *Chợ Hưng Phúc (ký hiệu CC-1.1)*: Được giữ nguyên vị trí đã có, nằm phía Tây đường Hecman, thuộc khối Vinh Phúc. Diện tích sử dụng đất: 557m². Mật độ xây dựng 80%; tầng cao 01 tầng.

5.4.2. *Khu cơ quan, doanh nghiệp (ký hiệu CQ)*: Được giữ nguyên tại vị trí đã có, nằm bám các trục đường: Đại lộ Lê Nin, Nguyễn Sỹ Sách, Trần Huy Liệu, Lê Hoàn, quy hoạch 12m, Yên Phúc. Tổng diện tích sử dụng đất: 202.214m²; Mật độ xây dựng 30-50%; Tầng cao từ 2 - 5 tầng.

5.4.3. *Khu ở dân cư (ký hiệu Đất Ở)*:

Bao gồm khu dân cư hiện trạng; Các dự án phát triển nhà ở thấp tầng, cao tầng đã xây dựng; khu quy hoạch dân cư ở mới. Tổng diện tích: 411.516m². Yêu cầu:

- Mật độ xây dựng đối với các lô đất bám trục đường $\geq 18m$: từ 80 - 90%, tầng cao từ 3 - 8 tầng;

- Mật độ xây dựng đối với các lô đất bám trục đường $< 18m$: từ 75 - 85%, tầng cao từ 3 - 5 tầng;

- Đối với các dự án phát triển nhà ở thực hiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Không xây dựng nhà ở chung cư xen lẫn trong dân cư hiện hữu khi chưa đáp ứng đủ điều kiện hạ tầng kỹ thuật. Tại các khu vực có đủ điều kiện xây dựng thì mật độ xây dựng, tầng cao công trình thực hiện theo đúng quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng hiện hành.

5.4.4. *Công trình thương mại dịch vụ (ký hiệu TM)*: Được giữ nguyên vị trí các điểm trung tâm thương mại, vui chơi giải trí, nhà hàng bám các trục đường: Kim Đồng, Nguyễn Sỹ Sách và đường Nguyễn Văn Cừ. Tổng diện tích sử dụng đất: 10.687m². Mật độ xây dựng từ 40 - 75%; tầng cao từ 2 - 7 tầng.

5.4.5. *An ninh quốc phòng (ký hiệu QP)*: Được giữ nguyên vị trí đã có gồm: Lữ Đoàn H83, Đoàn Nghệ thuật QK4. Diện tích đất: 40.300m²; Mật độ xây dựng từ 30 - 50%; Tầng cao 1 - 3 tầng.

5.5. Quy hoạch sử dụng đất: Thống nhất theo bản vẽ QH 04.

Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng đất:

TT	Hạng mục đất đai	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
01	Đất công trình công cộng		153.994	14,79
	- Đảng ủy, HĐND, UBND, Công an phường	CC	4.883	0,43
	- Trạm Y tế	CC-YT	1.267	0,11
	- Nhà văn hóa, cây xanh + sân thể thao	VH-CXTT	20.421	1,79
	- Giáo dục	CC	126.038	11,00
	- Đài tưởng niệm	TN	828	0,07
	- Chợ	CC	557	0,05
	- Đất công trình công cộng (CC-2.2)	CC	169.368	1,34
02	Đất cơ quan, doanh nghiệp	CQ	202.214	17,66
03	Đất ở dân cư		411.516	35,94
	- Đất ở hiện hữu (cải tạo chỉnh trang)	OC	30.411	2,66
	- Đất ở xây dựng mới	OM	379.523	33,14
	- Đất ở cao tầng	CT	1.582	0,14
04	Đất thương mại, dịch vụ	TM	10.687	0,93
05	Đất an ninh, quốc phòng	QP	40.300	3,52
06	Bãi đỗ xe	P	4.702	0,41
07	Đất giao thông		306.305	26,75
Tổng diện tích			1.145.066	100,0

5.6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.6.1. Giao thông, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng: Theo bản vẽ QH-06.

a) Mặt cắt ngang các tuyến đường:

STT	Mặt cắt	Chiều rộng (m)				Ghi chú
		Mặt đường	Vĩa hè	Dải phân cách	Lộ giới	
1	1 - 1	2 x 16,0	2 x 10,0	4	56,0	Đại lộ Lê Nin
2	2 - 2	16,0	12,0 + 6,0	-	34,0	Đ. Nguyễn Sỹ Sách
3	3 - 3	14,0	2 x 10,5	-	35,0	Đ. Lê Hồng Phong
4	4 - 4	14,0	2 x 8,0	-	30,0	Đ. Nguyễn Văn Cừ
5	5 - 5	14,0	2 x 5,0	-	24,0	Đường Duy Tân và Thành Thái
6	6 - 6	10,0	2 x 5,5	-	21,0	Đường Herman Gmeiner

7	7 - 7	10,5	2 x 5,5	-	21,5	Đường Lê Hoàn
8	8 - 8	9,0	2 x 4,5	-	18,0	Đường Kim Đồng
9	9 - 9	6,0	2 x 3,0	-	12,0	Đường QH khu TĐC, đường Cây xanh
10	9*-9*	7,0	2 x 2,5	-	12,0	Đường Kim Đồng
11	10 - 10	6,0	2 x 4,5	-	15,0	Đường quy hoạch
12	11 - 11	7,0	2 x 2,0	-	11,0	Đường quy hoạch
13	12 - 12	6,0	2 x 2,0	-	10,0	Đường Trần Hưng Nhượng
14	12* - 12*	6,0	3,0 + 1,5	-	10,5	Đ. Dương Văn Nga
15	13 - 13	5,0	2 x 2,0	-	9,0	Đường quy hoạch
16	Các tuyến còn lại mặt có mặt cắt giữ nguyên theo thực tế.					

b) Bãi đậu xe (ký hiệu P): Bãi đậu xe tĩnh ngoài việc bố trí vịnh đậu xe trên vỉa hè các trục đường lớn như: Nguyễn Sỹ Sách, Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong, Đại lộ Lê Nin, ... Bãi đậu xe còn được bố trí trên các khu dân cư toàn phường (03 bãi). Tổng diện tích: 4.702m²; Mật độ xây dựng từ 05-10%.

c) Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi):

- Các công trình đã xây dựng: Giữ nguyên hiện trạng.
- Các dự án đã có quy hoạch tỷ lệ 1/500 được duyệt: Thực hiện theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Các công trình xây dựng mới: Tuân thủ theo quy hoạch xây dựng.

5.6.2. Chuẩn bị kỹ thuật: Thống nhất theo bản vẽ QH-07.

a) San nền: Cao độ san nền giao động từ 4,50m đến 5,20m.

b) Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa chia thành 5 lưu vực thoát nước chính như sau:

- Lưu vực 1: Diện tích 9,4ha thuộc phía Tây Bắc phường; (Phía Tây đường quy hoạch 7m và phía Đông Nam đường Nguyễn Quốc Trị). Nước mưa thu vào hệ thống mương nội bộ của đường Nguyễn Văn Cừ chảy về mương số 2 tại đường Lê Hồng Phong.

- Lưu vực 2: Diện tích 47,0ha thuộc phía Bắc phường (Phía Nam đường Nguyễn Sỹ Sách, phía Bắc đường Dương Văn Nga và phía Tây đường Lê Hoàn). Nước mưa thu vào hệ thống mương nội bộ thoát từ hướng Nam lên hướng Bắc đổ ra Kênh Bắc.

- Lưu vực 3: Diện tích 6,0ha, nằm giữa lưu vực 1 và lưu vực 4 (Phía Tây Bắc đường Nguyễn Quốc Trị, phía Đông Nam đường Thành Thái). Nước mưa thu vào hệ thống mương nội bộ của đường Nguyễn Văn Cừ chảy về mương số 2 tại đường Lê Hồng Phong.

- Lưu vực 4: Diện tích 35,0ha thuộc phía Tây Nam phường (Phía Nam đường Dương Văn Nga, Phía Bắc đường Lê Hồng Phong, phía Tây Nam đường Nguyễn Văn Cừ). Nước mưa thu vào hệ thống mương nội bộ và thoát theo hai hướng từ Đông sang Tây và từ Bắc xuống Nam thoát về mương số 2 tại đường Lê Hồng Phong.

- Lưu vực 5: Diện tích 16,7ha thuộc phía Đông Bắc phường (Phía Đông đường Lê Hoàn, phía Tây đường Lê Nin và phía Bắc đường Duy Tân). Nước mưa thu vào hệ thống mương nội bộ và thoát từ hướng Nam lên hướng Bắc chảy về đường Nguyễn Sỹ Sách và đổ ra kênh Bắc.

5.6.3. Cấp nước: Thống nhất theo bản vẽ QH-08.

- Nguồn nước được lấy từ nhà máy cấp nước Hưng Vĩnh (công suất 80.000 m³/ngày.đêm).

- Tiêu chuẩn cấp nước: 180 lít/người.ngày.đêm.

- Tổng công suất tính toán: 3.643 m³/ngày.đêm.

- Nguồn nước phòng cháy chữa cháy sử dụng chung với nguồn nước sinh hoạt. Sử dụng 65 trụ cứu hỏa kiểu nổi đường kính D125 theo TCVN 6379-1998 đặt trên các đường chính, khoảng cách giữa các trụ $\leq 150m$.

5.6.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường: Theo bản vẽ QH-10.

- Trước mắt nước thải thoát chung nước mưa, tương lai thoát theo mạng riêng. Nước thải sinh hoạt được xử lý tại chân công trình trước khi thoát vào mạng chung, nước thải công nghiệp được xử lý trong khu công nghiệp trước khi thoát ra ngoài.

- Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy 90% tiêu chuẩn cấp. Tổng công suất là 3.279m³/ng.đ.

- Rác thải được thu gom tại các thùng chứa rác và các hố thu xây dựng mới tại các vị trí quy hoạch bãi đậu xe, sau đó đưa về khu xử lý tập trung tại xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc. Tổng công suất tính toán: 1.661m³/ngày.đêm.

5.6.5. Cấp điện: Thống nhất theo bản vẽ QH-09.

- Nguồn điện được lấy từ trạm nguồn phân phối (220/110/35/22KV) Bến Thủy.

- Tổng công suất định mức: 27.050,98 KVA.

- Xây dựng mới 20 trạm biến áp loại 22/0,4KV có công suất từ 320KVA-750kVA và giữ nguyên 43 trạm biến áp hiện trạng đang sử dụng để cấp điện cho phụ tải.

5.6.6. Thông tin liên lạc: Thống nhất theo bản vẽ QH-11.

- Sử dụng từ nguồn thông tin liên lạc chung thông qua tuyến cáp quang của thành phố Vinh.

- Công nghệ mạng thế hệ tiếp theo (Next Generation Networks- NGN), Công nghệ WiMax, Công nghệ 3G/4G/5G và Mobile Internet sẽ là công nghệ chủ yếu được khai thác trong những năm tiếp theo.

- Hạ tầng mạng ngoại vi tại khu vực thành phố trong giai đoạn tới phát triển theo xu hướng ngầm hóa (xây dựng hạ tầng công bề ngầm hóa mạng cáp).

5.7. Đánh giá môi trường chiến lược: Thống nhất theo bản vẽ QH-12.

- Trong quá trình thi công xây dựng các công trình, phải có phương án đảm bảo về tiếng ồn, rác thải xây dựng và an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Trong quá trình khai thác, vận hành phải quản lý tốt việc thu gom rác thải, xử lý nước thải sinh hoạt. Nghiêm cấm việc xả nước thải chưa qua xử lý vào hệ thống mạng thoát nước chung.

- Quản lý tốt hệ thống ống dẫn nước thải, tránh sự rò rỉ nước thải ra ngoài làm ô nhiễm môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được đưa đi chôn lấp, hoặc đưa về khu xử lý tập trung để chế biến thành phân hữu cơ.

- Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, địa chất, không khí, tiếng ồn, rác thải, biến động hệ sinh thái tại khu vực, các điểm có khả năng gây ra sự cố môi trường, các khu vực nhạy cảm về môi trường.

5.8. Thiết kế đô thị: Thống nhất theo bản vẽ QH-13.

- Phân vùng kiến trúc cảnh quan: Được phân thành các trục cảnh quan chính và phát triển hài hoà giữa các khu vực cũ và mới.

- Các trục đường chính: Nguyễn Sỹ Sách, Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong, Lê Nin, Héc Man và Duy Tân được quản lý kiến trúc cảnh quan không gian như (mục 5.4) của Quyết định này.

- Một số vị trí quy hoạch xây dựng công trình tạo điểm nhấn kiến trúc cảnh quan đô thị sẽ được xem xét cụ thể về hình thức kiến trúc, tầng cao, mật độ xây dựng, chỉ giới xây dựng đảm bảo đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế.

6. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ bản vẽ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt, giao trách nhiệm các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng công trình theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Vinh hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố quy hoạch để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; đồng thời chuyển giao các bản vẽ quy hoạch được duyệt để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định (bao gồm: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Vinh và Ủy ban nhân dân phường Hưng Phúc).

3. Ủy ban nhân dân thành phố Vinh lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, lấy ý kiến của các cơ quan liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

4. Nghiêm cấm việc thay đổi đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt phải được Ủy ban nhân dân thành phố Vinh tổng hợp, trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vinh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hưng Phúc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng; Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các PVP UBND tỉnh;
- Phòng CN VPUBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VTUB, CVXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Hoa

